

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Địa chỉ: Tầng 33, nhà M5-số 91 Nguyễn Chí Thanh  
 Phường Láng Hạ - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội  
 Điện thoại: 04 37738558 - Fax: 04 37738559

**Báo cáo tài chính hợp nhất****Quý IV năm tài chính 2011**

Mẫu số B01 - DN/HN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**HUT - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****Quý IV Năm 2011**

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>1,936,790,426,443</b>	<b>1,504,725,283,346</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>154,520,948,747</b>	<b>125,196,917,663</b>
1. Tiền	111	V.01	21,316,948,747	60,998,417,663
2. Các khoản tương đương tiền	112		133,204,000,000	64,198,500,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>45,797,649,751</b>	<b>68,214,032,703</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		46,024,490,521	68,214,032,703
2. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn (*)	129		(226,840,770)	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1,376,931,743,533</b>	<b>983,581,001,342</b>
1. Phải thu khách hàng	131		746,956,418,143	275,098,755,657
2. Trả trước cho người bán	132		610,689,758,280	638,733,407,755
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xd	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	20,106,393,826	70,290,852,314
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(820,826,716)	(542,014,384)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>212,049,818,544</b>	<b>169,710,990,294</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	212,049,818,544	169,710,990,294
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>147,490,265,868</b>	<b>158,022,341,344</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		106,405,336	297,106,347
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		99,549,579,026	80,569,755,910
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.05	-	1,124,703,943
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		47,834,281,506	76,030,775,144
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>2,485,546,158,772</b>	<b>1,673,807,776,138</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	0	0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2,438,752,763,173</b>	<b>1,650,520,619,540</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	43,695,703,307	37,365,346,217
- Nguyên giá	222		69,817,043,962	61,347,018,456
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(26,121,340,655)	(23,981,672,239)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	8,379,128,825	6,146,963,482
- Nguyên giá	225		12,420,578,835	8,477,245,909
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(4,041,450,010)	(2,330,282,427)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	926,304,875	473,813,279
- Nguyên giá	228		1,480,018,488	824,332,088
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(553,713,613)	(350,518,809)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	2,385,751,626,166	1,606,534,496,562
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.13</b>	<b>30,646,462,173</b>	<b>18,406,543,633</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		23,806,462,173	11,226,543,633
3. Đầu tư dài hạn khác	258		6,840,000,000	7,180,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		0	0
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>V.14</b>	<b>16,146,933,426</b>	<b>4,880,612,965</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		15,807,933,426	4,116,497,998
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		339,000,000	764,114,967
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>4,422,336,585,215</b>	<b>3,178,533,059,484</b>

NGUỒN VỐN				
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>3,842,932,737,860</b>	<b>2,684,479,135,725</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>957,859,548,936</b>	<b>1,172,579,090,885</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	265,788,575,146	391,354,176,836
2. Phải trả người bán	312		77,697,118,000	66,709,241,183
3. Người mua trả trước	313		320,837,243,758	169,867,252,147
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	22,950,567,516	7,094,917,100
5. Phải trả người lao động	315		6,760,082,839	3,436,353,588
6. Chi phí phải trả	316	V.17	60,882,280,207	33,097,593,617
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	202,651,211,150	500,044,176,311
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn khác	320		-	-
11. Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	323		292,470,320	975,380,103
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2,885,073,188,924</b>	<b>1,511,900,044,840</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		971,594,010,954	420,138,750,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	1,913,239,163,487	1,090,835,686,820
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		240,014,483	240,014,483
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	685,593,537
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)</b>	<b>400</b>		<b>528,545,024,162</b>	<b>460,531,296,421</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.22	<b>528,545,024,162</b>	<b>460,531,296,421</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		349,976,000,000	349,976,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		72,257,032,987	72,292,032,987
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		0	0
5. Chênh lệch giá đánh lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		19,182,697,924	6,201,950,511
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6,610,011,398	2,579,683,293
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	34,825,326
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		80,519,281,853	29,446,804,304
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		0	0
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			
<b>C - Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>		<b>50,858,823,193</b>	<b>33,522,627,338</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)</b>			<b>4,422,336,585,215</b>	<b>3,178,533,059,484</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	01		2,103,739,050	2,103,739,050
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	02		0	
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		0	
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		420,531,850	459,575,032
5. Ngoại tệ các loại	05		0	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		0	

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhân

Phạm Văn Lương

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO  
Địa chỉ: Tầng 33, nhà M5-số 91 Nguyễn Chí Thanh  
Phường Láng Hạ - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội  
Điện thoại: 04 37738558 - Fax: 04 37738559

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Quý IV năm tài chính 2011  
Mẫu số B02 - DN/HN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

HUT - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý IV Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	696,799,415,334	301,947,929,239	1,534,764,254,010	845,209,783,580
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	2,431,951,376	6,067,991,698	48,934,752,428	7,153,941,243
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.27	694,367,463,958	295,879,937,541	1,485,829,501,582	838,055,842,337
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	630,547,420,130	260,008,802,777	1,319,484,349,941	734,296,701,640
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		63,820,043,828	35,871,134,764	166,345,151,641	103,759,140,697
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	4,367,216,702	7,508,133,456	23,524,365,837	18,264,307,718
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	16,503,510,787	1,300,017,808	21,814,258,338	8,307,841,465
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		16,210,514,461	1,094,839,786	20,663,279,882	7,289,275,220
8. Chi phí bán hàng	24		174,631,159	197,131,024	764,294,942	197,131,024
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17,881,340,070	12,734,584,602	45,561,069,271	42,769,546,281
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		33,627,778,514	29,147,534,786	121,729,894,927	70,748,929,645
11. Thu nhập khác	31		3,129,620,034	3,618,352,191	4,660,883,194	32,706,291,861
12. Chi phí khác	32		1,527,336,206	1,953,920,456	2,714,242,015	17,187,447,539
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1,602,283,828	1,664,431,735	1,946,641,179	15,518,844,322
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		2,011,212,173	(213,456,367)	2,011,212,173	(213,456,367)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		37,241,274,515	30,598,510,154	125,687,748,279	86,054,317,600
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	5,944,557,880	2,915,708,039	24,822,081,078	18,270,575,513
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			0	0	0
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		31,296,716,635	27,682,802,115	100,865,667,201	67,783,742,087
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		732	791	2,492	3,418
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	71		5,661,914,322	289,086,766	13,668,774,096	908,365,912
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	72		25,634,802,313	27,393,715,349	87,196,893,105	66,875,376,175

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2012  
Tổng Giám đốc

Người lập  
Kế toán trưởng

Lê Thị Ngọc  
Phạm Thị Nhân  
Phạm Văn Lương

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Địa chỉ: Tầng 33, nhà M5-số 91 Nguyễn Chí Thanh  
 Phường Láng Hạ - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội  
 Điện thoại: 04 37738558 - Fax: 04 37738559

**Báo cáo tài chính hợp nhất****Quý IV năm tài chính 2011**

Mẫu số B03 - DN/HN  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**HUT - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

**Quý IV Năm 2011***Đơn vị tính: đồng*

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết Minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1	2	3	4	5
<b>I - Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1,461,979,659,634	992,610,769,368
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(868,687,415,716)	(1,327,888,170,516)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(39,221,038,738)	(27,805,416,001)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(121,604,183,160)	(33,740,886,539)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(25,319,118,035)	(14,033,519,363)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		279,532,744,639	863,827,422,855
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(432,524,376,035)	(385,750,092,924)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>254,156,272,589</b>	<b>67,220,106,880</b>
<b>II - Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(657,298,239,853)	(308,164,378,186)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		321,000,000	683,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(545,388,261,150)	(1,723,022,572,816)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		543,442,763,888	1,872,085,019,363
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(28,490,000,000)	(3,840,297,131)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn góp vào các đơn vị khác	26		500,000,000	10,263,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		61,352,576,640	15,531,599,280
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(625,560,160,475)</b>	<b>(136,464,629,490)</b>
<b>III - Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		32,410,000,000	336,122,262,367
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1,166,060,331,228	305,573,319,458
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(772,190,557,283)	(586,381,293,979)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1,231,770,575)	(869,931,626)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24,320,084,400)	(27,000,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>400,727,918,970</b>	<b>27,444,356,220</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>29,324,031,084</b>	<b>(41,800,166,390)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>125,196,917,663</b>	<b>166,997,084,053</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái</b>	<b>61</b>			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>154,520,948,747</b>	<b>125,196,917,663</b>

*Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2012***Người lập****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Lê Thị Ngọc****Phạm Thị Nhàn****Phạm Văn Lương**



# CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1- Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Tasco được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 26 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 27 tháng 07 năm 2007. Do công ty chuyển trụ sở chính lên Hà Nội nên Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021321 lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 27/8/2010.

Vốn điều lệ của Công ty là 349.976.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn phát triển nhà và đô thị (HUD)	4.524.480	45.244.800.000	12,928%
Các cổ đông khác	30.473.120	304.731.200.000	87,072%
<b>Tổng</b>	<b>34.997.600</b>	<b>349.976.000.000</b>	<b>100%</b>

Công ty được cấp giấy phép niêm yết Cổ phiếu theo Quyết định số 125/QĐ-TTGDHN ngày 04/04/2008 do Giám đốc Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội ký, chấp thuận niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Tasco. Ngày 04/04/2008, Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội).

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 33 Tòa nhà M5 – Số 91 Nguyễn Chí Thanh – Phường Láng Hạ - Quận Đống Đa – Thành phố Hà Nội.

#### 2- Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp, dịch vụ

#### 3- Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật. San lấp mặt bằng;
- Xây lắp điện, nước;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);
- Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các loại hình công trình xây dựng;
- Mua bán, cho thuê, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;
- Dịch vụ du lịch, nhà hàng, ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);

# **CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011**

- Kinh doanh phát triển nhà ở; kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
- Dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;
- Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;
- Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh;
- Xây dựng công trình điện (nhiệt điện, thủy điện);
- Sản xuất điện;
- Đại lý bán điện;
- Kinh doanh, khai thác công trình kết cấu hạ tầng;
- Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Kinh doanh bãi đỗ xe và gara.

#### **4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:**

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là xây dựng các công trình hạ tầng cơ sở: Giao thông, thủy lợi, XD dân dụng, xây lắp điện, kinh doanh phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản, dịch vụ thu gom xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác... , các công trình này được đầu tư chủ yếu bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Khối lượng xây lắp hoàn thành sau khi giữ lại % bảo hành công trình được thanh toán theo kế hoạch vốn ngân sách hàng năm, dẫn đến các khoản phải thu từ khách hàng lớn. Khối lượng xây lắp hoàn thành khi quyết toán có thể bị cắt giảm làm xuất hiện các khoản giảm trừ doanh thu ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh.

## **II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1- Kỳ kế toán quý bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

## **III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

1- Chế độ kế toán áp dụng: Thực hiện theo Quyết định số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần TASCO có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập các báo cáo tài chính này, Ban lãnh đạo Công ty đã phải:

- Tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành; Bao gồm:

- 1- Chuẩn mực số 01 - Chuẩn mực chung;
- 2- Chuẩn mực số 02 - Hàng tồn kho;
- 3- Chuẩn mực số 03 - Tài sản cố định hữu hình;
- 4- Chuẩn mực số 04 - Tài sản cố định vô hình;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011**

- 5- Chuẩn mực số 06 - Thuê tài sản.
- 6- Chuẩn mực số 07 – Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- 7- Chuẩn mực số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.
- 8- Chuẩn mực số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái;
- 9- Chuẩn mực số 15 - Hợp đồng xây dựng;
- 10- Chuẩn mực số 16 - Chi phí đi vay;
- 11- Chuẩn mực số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- 12- Chuẩn mực số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng;
- 13- Chuẩn mực số 21 - Trình bày báo cáo tài chính;
- 14- Chuẩn mực số 23 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- 15- Chuẩn mực số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- 16- Chuẩn mực số 25 - BCTC hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con;
- 17- Chuẩn mực số 26 - Thông tin về các bên liên quan.
- 18- Chuẩn mực số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- 19- Chuẩn mực số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.
- 20- Chuẩn mực số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

Hệ thống kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn thực hiện và chế độ kế toán hiện hành tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hay không;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần TASCO xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu trữ và trình bày hợp lý, đầy đủ để có thể phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính này tuân thủ theo các nguyên tắc kế toán chung được chấp nhận tại Việt Nam. Ban lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

3- Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ



# CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

## IV- Các chính sách kế toán áp dụng

### 1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

- Các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tiền tệ và công nợ phát sinh bằng đồng tiền khác với Đồng Việt Nam, nếu có, được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

### 2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua hàng, chi phí sản xuất trực tiếp và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty phản ánh các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp cho các công trình xây dựng cơ bản chưa hoàn thành tại thời điểm kết thúc các niên độ kế toán.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng giá thành phẩm của các công trình xây dựng được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì vào cuối kỳ kế toán năm, được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

### 3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

1. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
2. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
3. Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;

## CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

### 4. Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

Tài sản hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế, Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó.

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ vô hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

1. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do tài sản đó mang lại;
2. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
3. Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
4. Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người đi thuê. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê phát sinh được phản ánh trong sổ dư phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán.

*- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):*

Giá trị phải khấu hao của TSCĐ hữu hình được phân bổ một cách có hệ thống trong thời gian sử dụng hữu ích của chúng. Phương pháp khấu hao áp dụng là phương pháp khấu hao đường thẳng. Số khấu hao của từng kỳ được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chúng được tính vào giá trị của các tài sản khác, như: Khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho các hoạt động trong giai đoạn triển khai là một bộ phận chi phí cấu thành nguyên giá TSCĐ vô hình (theo quy định của chuẩn mực TSCĐ vô hình), hoặc chi phí khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho quá trình tự xây dựng hoặc tự chế các tài sản khác.

Giá trị phải khấu hao của TSCĐ vô hình được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính hợp lý của nó. Phương pháp khấu hao áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng. Việc trích khấu hao được bắt đầu từ ngày đưa TSCĐ vô hình vào sử dụng.

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính: Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được phân bổ và hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê của tài sản. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuê tài chính được ước tính phù hợp với thời gian sử dụng ước tính và thời gian thuê của tài sản cố định hữu hình.

### 4- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con là các khoản vốn góp chiếm tỷ lệ trên 50% trong tổng số vốn điều lệ của công ty con, Công ty mẹ có quyền chi phối về các chính sách tài chính, về các hoạt động của công ty con. Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tasco được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính của công ty mẹ, Các khoản lợi nhuận nhận được từ hoạt động của các công ty con sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo riêng của công ty mẹ khi có thông báo của HĐQT các công ty con về việc phân chia lợi nhuận.

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty đã góp vốn thành lập năm (05) công ty con.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

**Thông tin chi tiết về công ty con như sau:**

TT	Tên công ty	Trụ sở	Tỷ lệ sở hữu vốn của công ty mẹ (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh
1.	Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	Hà Nội	51,00	51,00	Xây lắp
2.	Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco	Nam Định	51,00	51,00	Xây lắp
3.	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Thái Bình	51,00	51,00	Xây lắp
4.	Công ty TNHH MTV Tasco 6	Nam Định	100	100	Dịch vụ
5.	Công ty Cổ phần Tasco Thủ đô	Hà Nội	51,00	51,00	KD, MG bất động sản

Vốn góp vào các công ty con chủ yếu bằng tài sản cố định, công cụ, dụng cụ (tài sản đem đi góp vốn đều được đánh giá lại) và góp bằng tiền.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được xác định theo giá gốc.

### 5- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay phải ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực số 16. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

### 6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước dài hạn bao gồm: các chi phí phát sinh cho các công cụ dụng cụ được đưa vào sử dụng. Chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

- Chi phí khác bao gồm: chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản phát sinh trong kỳ được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ tuyến tính vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ 2-3 năm.

### 7- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí phải trả bao gồm: các khoản lãi vay, tiền lương, chi phí văn phòng phải trả chưa phát sinh thanh toán đã được tính toán chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy đảm bảo phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh. Việc trích trước các khoản chi phí phải trả vào chi phí

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

sản xuất kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ để đảm bảo khi các khoản chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh.

### **8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:**

- Một khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý, nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện xảy ra, sự giảm sút về lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu thanh toán nghĩa vụ nợ và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại, tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **9- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp cổ phần và được bổ xung từ chia cổ phiếu thưởng theo nghị quyết của đại hội cổ đông.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Tài sản tiền tệ và công nợ phát sinh bằng đồng tiền khác với Đồng Việt Nam, nếu có, được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối được trình bày trên báo cáo tài chính là số lãi của doanh nghiệp bao gồm cả lãi từ đầu tư vào các công ty con sau khi đã trừ đi thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay và các khoản điều chỉnh do sai sót trọng yếu của năm trước.

### **10- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:**

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và quyền lợi đã được chuyển cho người mua, Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, và đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của việc cung cấp dịch vụ tại ngày báo cáo. Tỷ lệ hoàn thành được xác định thông qua nghiệm thu khối lượng công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận khi khả năng thu tiền, ước tính hợp lý các chi phí của việc bán hàng hay khả năng hàng bán bị trả lại là không chắc chắn.

- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Doanh thu tài chính được ghi nhận trên cơ

# CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

sở tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định khi khối lượng hoàn thành hợp đồng xây dựng được ước tính hợp lý. Việc xác định doanh thu của hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy doanh thu của hợp đồng xây dựng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ. Doanh thu và chi phí hợp đồng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành hợp đồng. Tỷ lệ hoàn thành được xác định thông qua nghiệm thu khối lượng công việc đã thực hiện. Lỗ ước tính của hợp đồng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngay khi phát sinh.

## 11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Chi phí lãi vay tài chính phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh một phần, phần còn lại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình có sử dụng vốn vay đó.

## 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25%. Lợi nhuận chịu thuế được ước tính dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận cho mục đích tính thuế. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về mức thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

## V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: đồng

1 - Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tiền mặt	1.607.520.294	1.773.314.340
- Tiền gửi ngân hàng	18.908.325.453	56.725.103.323
- Tiền đang chuyển	801.103.000	2.500.000.000
- Tiền và các khoản tương đương tiền	133.204.000.000	64.198.500.000
<b>Cộng</b>	<b>154.520.948.747</b>	<b>125.196.917.663</b>
2 - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	380.890.770	
- Đầu tư ngắn hạn khác	45.643.599.751	68.214.032.703
<i>Trong đó: Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>43.949.219.751</i>	<i>40.864.032.703</i>
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-226.840.770	
<b>Cộng</b>	<b>45.797.649.751</b>	<b>68.214.032.703</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

<b>3 - Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	1.612.500.000	2.318.200.000
- Phải thu khác	18.493.893.826	67.972.652.314
<b>Cộng</b>	<b>20.106.393.826</b>	<b>70.290.852.314</b>

<b>4 - Hàng tồn kho</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	601.772.433	6.010.821.708
- Công cụ, dụng cụ	25.759.854	523.170.046
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	211.422.286.257	163.176.998.540
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>212.049.818.544</b>	<b>169.710.990.294</b>

Nguyên vật liệu tồn kho chủ yếu là cát, đá, xi măng, sắt thép nhập về phục vụ thi công công trình chưa sử dụng hết trong kỳ tài chính được quản lý tại kho công trường; công cụ dụng cụ tồn kho chủ yếu là vật tư luân chuyển.

<b>5 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Thuế GTGT		734.304.443
- Các khoản phải thu Nhà nước		390.399.500
<b>Cộng</b>		<b>1.124.703.943</b>

### **8 - Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

(Phụ lục 01)

Tài sản cố định hữu hình tăng trong kỳ là do mua sắm mới, tăng do XDCB hoàn thành bàn giao của dự án “Hiện đại hóa trạm thu phí Tân Đệ”.

Tài sản cố định hữu hình giảm trong kỳ là do Công ty nhượng bán, thanh lý tài sản.

### **9 - Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính**

(Phụ lục 02)

### **10 - Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

(Phụ lục 03)

Tài sản cố định vô hình tăng do XDCB hoàn thành bàn giao của dự án “Hiện đại hóa trạm thu phí Tân Đệ”.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

11 - Xây dựng cơ bản dở dang	Cuối kỳ	Đầu năm
- Dự án trụ sở Công ty, VP cho thuê Pháp Vân	19.380.541.755	5.736.216.873
- Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 10	304.321.375.787	242.526.842.644
- Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 21	356.689.728.226	233.469.963.798
- Dự án Đường Lê Đức Thọ	303.955.583.184	196.782.751.062
- Dự án rác thải	1.848.690.817	1.848.690.817
- Dự án thủy điện	1.616.199.622	1.616.199.622
- Dự án BT Quốc lộ 21	582.046.154.592	109.201.993.010
- Dự án Đơn vị ở số 1	8.678.542.226	8.397.680.138
- Dự án Đơn vị ở số 2	94.122.732.146	31.341.719.375
- Dự án Đơn vị ở số 3	345.362.653.651	309.019.971.762
- Dự án Khu đô thị mới Vân Canh - Hoài Đức	361.625.392.677	424.658.134.873
- Dự án Khu đất 48 Trần Duy Hưng	1.268.708.973	635.554.374
- Dự án hiện đại hóa trạm thu phí Tân Đệ	366.136.684	4.786.786.408
- Dự án Tỉnh lộ 39		35.705.560.694
- Dự án BT Sông Om	1.482.526.254	
- Các dự án khác	2.986.659.572	806.431.112
<b>Cộng</b>	<b>2.385.751.626.166</b>	<b>1.606.534.496.562</b>

- Trong kỳ, chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án “Hiện đại hóa trạm Tân Đệ” giảm do Công ty hạch toán tăng tài sản cố định đối với giá trị XD CB hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

- Dự án “*Đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường 39B đoạn từ thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương đến thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình*” (Dự án BT 39) do Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái (doanh nghiệp dự án) làm chủ đầu tư. Trong năm 2011, dự án đã nghiệm thu một phần khối lượng hoàn thành nên chi phí dự án được kết chuyển tương ứng doanh thu để xác định kết quả kinh doanh.

13 - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:	Cuối kỳ	Đầu năm
- Đầu tư vào công ty liên kết	23.806.462.173	11.226.543.633
- Đầu tư dài hạn khác	6.840.000.000	7.180.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.646.462.173</b>	<b>18.406.543.633</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

		Cuối kỳ		Đầu năm	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>b) Đầu tư vào công ty liên kết</b>					
1.	- Công ty CP BĐS Thái An	1.393.785	13.937.851.832	189.145	1.891.452.666
2.	- Công ty CP Tasco Thăng Long	178.088	1.780.877.946	180.146	1.801.462.631
3.	- Công ty CP Tasco 10	0		331.088	3.310.882.207
4.	- Công ty CP Tasco 3	0		71.511	715.105.190
5.	- Công ty CP Tasco Trường Phát	226.578	2.265.783.526	238.132	2.381.324.629
6.	- Công ty CP ĐT và XD Trường Giang	289.793	2.897.933.445	5.402	54.023.886
7.	- Công ty CP ĐT và XD Tiến Phát	105.318	1.053.182.887	107.229	1.072.292.423
8.	- Công ty CP D-Tech	187.083	1.870.832.537		
	<b>Cộng</b>	<b>2.380.646</b>	<b>23.806.462.173</b>	<b>1.122.654</b>	<b>11.226.543.633</b>
<b>c) Đầu tư dài hạn khác</b>					
	- Đầu tư dài hạn khác	684.000	6.840.000.000	718.000	7.180.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>684.000</b>	<b>6.840.000.000</b>	<b>718.000</b>	<b>7.180.000.000</b>

Số dư đầu tư dài hạn khác của Công ty là giá trị đầu tư góp vốn vào một số công ty khác với tỷ lệ cổ phần sở hữu dưới 20% .

<b>14 - Tài sản dài hạn khác</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Chi phí trả trước dài hạn	15.807.933.426	4.116.497.998
- Tài sản dài hạn khác	339.000.000	764.114.967
<b>Cộng</b>	<b>16.146.933.426</b>	<b>4.880.612.965</b>
<b>15 - Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Vay ngắn hạn	263.325.024.210	391.354.176.836
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Định	104.604.658.216	82.810.588.870
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Hà Nội	55.872.029.538	67.752.824.001
+ Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	69.067.617.812	77.823.641.262
+ Ngân hàng TMCP Dầu khí - CN Thăng Long	22.686.006.312	11.515.000.000



## CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình	980.000.000	0
+ Ngân hàng TMCP Hàng hải - CN Nam Định	990.337.856	0
+ Ngân hàng NN & PTNT VN - CN Thái Bình	3.556.874.476	0
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Bắc Ninh	1.012.500.000	0
+ Vay đối tượng khác	4.555.000.000	143.350.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	2.463.550.936	8.102.122.703
<b>Cộng</b>	<b>265.788.575.146</b>	<b>391.354.176.836</b>

### Trong đó:

#### - Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

Các khoản vay theo Công văn số 1456/TB-QHKH2 ngày 05/07/2011 của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định, mức dư nợ ngắn hạn tối đa là 153.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi ba tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2012. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Các hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.

#### - Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội:

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2011 số 01/2011/HĐTDHM ngày 01/07/2011, mức dư nợ tối đa là 125.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2012. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Các hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty

#### - Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội (ABBANK):

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 45.11/HĐTD/II.20 ngày 13/7/2011, mức dư nợ tối đa là 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay của mỗi món vay được ghi trên giấy nhận nợ không quá 10 tháng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo quy định của ABBANK, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ tại thời điểm nhận nợ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Công ty cam kết cầm cố/thể chấp cho ngân hàng quyền phải thu từ các hợp đồng thi công xây dựng các công trình.

#### - Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Dầu khí – Chi nhánh Thăng Long:

Các khoản vay theo Thông báo số 1187a/2011/PD-HĐTCCC, mức dư nợ tối đa là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/1 lần vào ngày 10 hàng tháng và được xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Công ty thế chấp các khoản phải thu/quyền đòi nợ khách hàng của Công ty; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín

## CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

dụng khác; các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và các đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.

- Khoản vay Ngân hàng để thực hiện dự án BT39:

Theo Hợp đồng tín dụng số 09/HĐTD ngày 11/11/2010 ký kết giữa Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình, Ngân hàng TMCP hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Nam Định, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Bắc Ninh và Công ty CP Tasco, Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái (doanh nghiệp dự án): Trước ngày kết thúc kỳ hạn rút vốn, các bên cho vay đồng ý cấp cho bên vay mỗi khoản vay có thời hạn vay tối đa 12 tháng (vay ngắn hạn) bằng đồng Việt Nam với tổng số tiền gốc tối đa không vượt quá 1.300.000.000.000 đồng (Tỷ lệ Ngân hàng NN & PTNT VN Chi nhánh Thái Bình: 800.000.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP hàng hải VN Chi nhánh Nam Định: 300.000.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á Chi nhánh Bắc Ninh: 200.000.000.000 đồng). Mục đích khoản vay: Thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng công trình cải tạo nâng cấp đường 39B đoạn từ Thị trấn Thanh Nê – Huyện Kiến Xương đến thị trấn Diêm Điền – Huyện Thái Thụy – tỉnh Thái Bình”.

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Thăng Long

Hợp đồng tín dụng hạn mức số SHBTL10112010 ngày 10/11/2010, mức dư nợ tối đa là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay được xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Các quyền đòi nợ chưa phát sinh hoặc đã phát sinh theo hợp đồng kinh tế đã được ký kết, Bên vay chưa thực hiện/đã thực hiện xong một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ bán/cung cấp hàng hóa/dịch vụ nhưng chưa được thanh toán hoặc đã được thanh toán một phần.

- Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Mỹ Đình

Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2011 số 159.11.011.535265.HMTD ngày 10/10/2011, mức dư nợ là 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/09/2012. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 9 tháng/khế ước, lãi suất cho vay xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ.

16 -	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Cuối kỳ	Đầu năm
	- Thuế giá trị gia tăng	14.455.632.263	0
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.562.673.141	6.967.155.463
	- Thuế thu nhập cá nhân	1.870.629.198	127.761.637
	- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	61.632.914	
	<b>Cộng</b>	<b>22.950.567.516</b>	<b>7.094.917.100</b>
17 -	Chi phí phải trả	Cuối kỳ	Đầu năm
	- Trích trước chi phí Trạm Tân Độ, Mỹ Lộc	35.784.306.096	26.302.976.181
	- Chi phí phải trả	25.097.974.111	6.794.617.436
	<b>Cộng</b>	<b>60.882.280.207</b>	<b>33.097.593.617</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

Từ năm 2010, Công ty tạm trích trước chi phí khi tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của Trạm thu phí Tân Đệ và Mỹ Lộc theo Công văn số 18169/BTC-CST ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.

<b>18 - Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Kinh phí công đoàn	1.227.996.328	563.057.183
- Bảo hiểm xã hội	227.739.756	31.680.175
- Bảo hiểm y tế	0	5.129.974
- Bảo hiểm thất nghiệp	15.238.110	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	300.000.000	
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	200.880.236.956	499.444.308.979
<b>Cộng</b>	<b>202.651.211.150</b>	<b>500.044.176.311</b>

#### Trong đó:

Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác gồm khoản vay, góp vốn phục vụ dự án Khu đô thị mới Vân Canh – Hoài Đức – Hà Tây, dự án South Building; các khoản phải trả đội thi công công trình, và một số khoản khác.

<b>20 - Vay và nợ dài hạn</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a Vay dài hạn</b>	<b>1.909.184.454.922</b>	<b>1.087.695.200.286</b>
- Vay ngân hàng	1.642.209.154.922	887.204.900.286
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Định	752.522.853.772	416.420.173.218
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Hà Nội	22.817.406.409	16.546.780.182
+ Ngân hàng Phát triển VN - CN Nam Định	403.593.000.000	302.971.111.111
+ Ngân hàng Phát triển VN - Sở GD 1	147.637.734.230	147.637.734.230
+ NH TMCP Dầu khí - CN Thăng Long	1.370.200.000	479.000.000
+ NH TMCP Á Châu	187.400.000	312.440.000
+ NH TMCP Kỹ thương VN - CN Nam Định	2.040.888.891	1.967.888.889
+ NH TMCP Kỹ thương VN - PGD Xuân La	92.729.220	178.618.656
+ NH TMCP Kỹ thương VN Linh Đàm	133.330.000	370.554.000
+ Ngân hàng NN & PTNT Thái Bình	204.792.593.400	
+ Ngân hàng TMCP Hàng hải - CN Nam Định	52.818.019.000	

## CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Bắc Ninh	54.000.000.000	
+ NH TMCP An Bình - CN Hà Nội	203.000.000	320.600.000
- Vay đối tượng khác	91.970.300.000	490.300.000
- Trái phiếu phát hành	175.005.000.000	200.000.000.000
<b>b Nợ dài hạn</b>	<b>4.054.708.565</b>	<b>3.140.486.534</b>
- Thuê tài chính	4.054.708.565	3.140.486.534
<b>Cộng</b>	<b>1.913.239.163.487</b>	<b>1.090.835.686.820</b>

### Trong đó:

- Các khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

+ Hợp đồng số 10/2008/HĐTDĐT ngày 20/8/2009, số tiền vay tối đa 236.780.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian trả nợ gốc 13 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất theo quy định tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng.

+ Hợp đồng số 11/2008/HĐTDĐT tháng 9/2009, số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10, lãi suất theo quy định tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội:

+ Hợp đồng số 01/2008/HĐTDTH ngày 19/11/2008, số tiền vay tạm tính (gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi) 33.820.000.000 đồng, thời hạn vay 7 năm, thời hạn trả nợ gốc 5 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900 – Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình. Lãi suất 03 tháng đầu tiên 15,8%/năm, lãi suất thay đổi 3 tháng/1 lần.

Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2008/HĐTDTH ngày 19/11/2008, sửa đổi điều kiện rút vốn vay, điều khoản trả nợ gốc.

+ Hợp đồng số 01/2010/HĐTDTH ngày 25/06/2010, số tiền vay 74.396.000.000 đồng (gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi), thời hạn vay 46 tháng, thời gian ân hạn 22 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên nhưng tối đa không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay để thực hiện dự án: Xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ (điểm cuối giao với đường 70) theo hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) số 68/HĐBT giữa UBND Huyện Từ Liêm và Công ty Cổ phần Tasco. Lãi suất vay áp dụng lãi suất thỏa thuận cho vay thả nổi điều chỉnh 3 tháng/ 1 lần, lãi suất cho vay áp dụng tại thời điểm nhận nợ vay là 14%/năm, lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo theo thông báo lãi suất trung dài hạn của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội tại thời điểm điều chỉnh.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

## CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

+ Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2008, số tiền vay tối đa 36.348.000.000 đồng, thời hạn vay 150 tháng, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 6 tháng/1 lần chi tiết theo các khoản giải ngân.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển Việt Nam – Sở GD I:

+ Theo hợp đồng số 01/2009/HĐTĐĐT-NHPT ngày 27/3/2009 và phụ lục hợp đồng số 01.01/2010/HĐSĐTĐĐT/NHPT.SGDI số tiền vay tối đa đầu tư giai đoạn I của dự án 364.000.000.000 đồng, thời hạn vay 46 tháng, mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70). Lãi suất 6,9%/năm, lãi suất quá hạn 10,35%.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng để thực hiện dự BT21:

Theo Hợp đồng tín dụng số 02/2010 HĐTD ngày 17/12/2010 ký giữa Ngân hàng ĐT & PTVN – Chi nhánh Nam Định, Ngân hàng TMCP nhà Hà Nội – Sở GD 1 và Công ty Cổ phần Tasco, Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco (doanh nghiệp dự án): Khoản vay với tổng số tiền gốc tối đa không vượt quá 2.592.000.000.000 đồng (theo tỷ lệ Ngân hàng đầu tư và phát triển VN Chi nhánh Nam Định: 1.944.000.000.000 đồng; Ngân hàng thương mại cổ phần Nhà Hà Nội: 648.000.000.000 đồng). Mục đích khoản vay: Thực hiện dự án “*Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ mới Phù Lý-Mỹ Lộc theo hình thức hợp đồng BT*” – Dự án BT 21. Thời hạn vay phù hợp với tiến độ triển khai của dự án với điều kiện: Thời gian giải ngân tối đa là 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và thời gian cho vay thu nợ đối với mỗi khoản vay tối đa là 18 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng để thực hiện dự án BT39:

Theo Hợp đồng tín dụng số 09/HĐTD ngày 11/11/2010 ký giữa Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình, Ngân hàng TMCP hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Nam Định, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Bắc Ninh và Công ty CP Tasco, Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái (doanh nghiệp dự án): Trước ngày kết thúc kỳ hạn rút vốn, các bên cho vay đồng ý cấp cho bên vay mỗi khoản vay có thời hạn vay tối đa 54 tháng (vay trung hạn) bằng đồng Việt Nam với tổng số tiền gốc tối đa không vượt quá 500.000.000.000 đồng (Tỷ lệ Ngân hàng NN & PTNT VN Chi nhánh Thái Bình: 300.000.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP hàng hải VN Chi nhánh Nam Định: 100.000.000.000 đồng, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á Chi nhánh Bắc Ninh: 100.000.000.000 đồng). Mục đích khoản vay: Thực hiện dự án “*Đầu tư xây dựng công trình cải tạo nâng cấp đường 39B đoạn từ Thị trấn Thanh Nê – Huyện Kiến Xương đến thị trấn Diêm Điền – Huyện Thái Thụy – tỉnh Thái Bình*” – Dự án BT 39.

Trái phiếu phát hành: Số lượng 175.005 trái phiếu chuyển đổi mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu. Mục đích: Đầu tư vào các Dự án đơn vị ở số 3 và đơn vị ở số 2 – Khu đô thị mới Xuân Phương; dự án khu nhà ở Báo Nhân dân và Văn phòng Trung ương Đảng và bổ sung vốn lưu động của Công ty.

### 22 - Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

(Phụ lục 04)

## CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

<b>b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Vốn góp của Tập đoàn PT nhà và đô thị - HUD	45.244.800.000	45.244.800.000
- Vốn góp của cổ đông khác	304.731.200.000	304.731.200.000
<b>Cộng</b>	<b>349.976.000.000</b>	<b>349.976.000.000</b>
<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp tại ngày đầu năm</i>	<i>349.976.000.000</i>	<i>135.000.000.000</i>
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>		<i>214.976.000.000</i>
+ <i>Vốn góp giảm trong năm</i>		
+ <i>Vốn góp tại ngày cuối năm</i>	<i>349.976.000.000</i>	<i>349.976.000.000</i>
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	24.320.084.400	27.000.000.000
<b>d. Cổ phiếu</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu kỳ</b>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>34.997.600</i>	<i>34.997.600</i>
<i>* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu</i>		
- Số lượng cổ phiếu chưa lưu hành		
<b>e. Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	19.182.697.924	6.201.950.511
- Quỹ dự phòng tài chính	6.610.011.398	2.579.683.293
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	34.825.326
<b>Cộng</b>	<b>25.792.709.322</b>	<b>8.816.459.130</b>

### Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển hình thành từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh và được sử dụng cho mục đích đầu tư của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được hình thành từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh nhằm để phòng những tổn thất, thiệt hại bất ngờ do những nguyên nhân khách quan, bất khả kháng mang lại và khi gặp rủi ro, thua lỗ trong kinh doanh đảm bảo cho doanh nghiệp hoạt động bình thường.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

### VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng			
	Quý IV-2011	Quý IV-2010	
<b>25 - Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			
- Doanh thu bán hàng	47.172.633.441		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.441.701.768	17.840.531.133	
- Doanh thu hoạt động xây lắp	476.391.492.433	284.107.398.106	
- Doanh thu hoạt động KD bất động sản	161.793.587.692	0	
<b>Cộng</b>	<b>696.799.415.334</b>	<b>301.947.929.239</b>	
<b>26 - Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Quý IV-2011</b>	<b>Quý IV-2010</b>	
Trong đó:			
- Giảm giá hàng bán	2.431.951.376	6.067.991.698	
<b>Cộng</b>	<b>2.431.951.376</b>	<b>6.067.991.698</b>	
<b>27 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV</b>	<b>Quý IV-2011</b>	<b>Quý IV-2010</b>	
- Doanh thu thuần	<b>694.367.463.958</b>	<b>295.879.937.541</b>	
<b>28 - Giá vốn hàng bán</b>	<b>Quý IV-2011</b>	<b>Quý IV-2010</b>	
- Giá vốn hàng hóa	46.859.545.044		
- Giá vốn của dịch vụ	4.604.454.281	5.162.297.973	
- Giá vốn hoạt động xây lắp	438.257.200.851	254.846.504.804	
- Giá vốn hoạt động KD bất động sản	140.826.219.954		
<b>Cộng</b>	<b>630.547.420.130</b>	<b>260.008.802.777</b>	
<b>29 - Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Quý IV-2011</b>	<b>Quý IV-2010</b>	
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.619.356.702	6.724.223.314	
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	747.860.000	723.687.000	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	0	60.223.142	
<b>Cộng</b>	<b>4.367.216.702</b>	<b>7.508.133.456</b>	
<b>30 - Chi phí tài chính</b>	<b>Quý IV-2011</b>	<b>Quý IV-2010</b>	
- Lãi tiền vay	16.210.514.461	1.094.839.786	



## CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

- Chi phí tài chính khác	292.996.326	205.178.022
<b>Cộng</b>	<b>16.503.510.787</b>	<b>1.300.017.808</b>
<b>31 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Quý IV-2011</b>	<b>Quý IV-2010</b>
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.944.557.880	2.915.708.039
<b>Cộng</b>	<b>5.944.557.880</b>	<b>2.915.708.039</b>

### VII- Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Những khoản nợ khó đòi, những khoản nợ không có khả năng thu hồi đã được Công ty phân loại tuổi nợ, phân tích, đánh giá và trích lập dự phòng.

#### 3. Thông tin liên quan:

Trong kỳ kế toán, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

<b>Các giao dịch mua:</b>	<b>Quý IV-2011</b>	<b>Quý IV-2010</b>
Công ty TNHH MTV TASCO 6	1.690.232.584	1.902.830.564
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	4.462.640.000	16.776.738.183
Công ty Cổ phần Xây dựng TASCO	107.865.013.587	72.290.257.334
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	2.618.172.355	17.469.878.026
<b>Cộng</b>	<b>116.636.058.526</b>	<b>108.439.704.107</b>

<b>Các giao dịch bán:</b>	<b>Quý IV-2011</b>	<b>Quý IV-2010</b>
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	327.273	
Công ty Cổ phần Xây dựng TASCO	214.452.727	72.815.024.708
<b>Cộng</b>	<b>214.780.000</b>	<b>72.815.024.708</b>

<b>Các khoản phải thu khách hàng:</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Công ty TNHH MTV TASCO 6	823.699.693	889.873.002
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	0	78.016.333.157
Công ty Cổ phần Tasco Thủ Đô	277.368.145	277.368.145
Công ty Cổ phần Xây dựng TASCO	8.364.716.822	78.016.333.157
<b>Cộng</b>	<b>9.465.784.660</b>	<b>157.199.907.461</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

<b>Các khoản phải trả người bán:</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng TASCO	51.432.874.349	3.628.203.645
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái		
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	72.808.633	2.287.457.307
<b>Cộng</b>	<b>51.505.682.982</b>	<b>5.915.660.952</b>

<b>Các khoản phải thu khác:</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Công ty TNHH MTV TASCO 6		255.056.321
Công ty Cổ phần Xây dựng TASCO		474.553.953
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	710.345.625	1.244.971.102
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam		367.200.000
<b>Cộng</b>	<b>710.345.625</b>	<b>2.341.781.376</b>

<b>Trả trước cho người bán:</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	37.556.083.267	
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	8.921.397.083	16.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>46.477.480.350</b>	<b>16.200.000.000</b>

### 5. Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ báo cáo kết thúc ngày 31/12/2010.

### 7. Những thông tin khác:

Ngày 25/11/2011 Hội đồng quản trị Công ty đã có Quyết định số 215B/QĐ-HĐQT về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tasco tại Công ty Cổ phần Tasco 10 là 353.000 cổ phần, tương ứng giá trị là 3.530.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng./.).

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2012

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Tổng Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Lê Thị Ngọc**

**Phạm Thị Nhân**

**Phạm Văn Lương**

# CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

## Phụ lục 01: Tăng giảm TSCĐ hữu hình

TT	Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TS Hữu hình khác	Tổng cộng
<b>A</b>	<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>I</b>	<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>	<b>20.606.210.047</b>	<b>23.227.724.052</b>	<b>10.674.778.834</b>	<b>4.448.049.338</b>	<b>2.390.256.185</b>	<b>61.347.018.456</b>
	Số dư đầu năm	20.606.210.047	23.227.724.052	10.674.778.834	4.448.049.338	2.390.256.185	61.347.018.456
<b>II</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>0</b>	<b>2.439.448.110</b>	<b>5.587.449.454</b>	<b>7.428.160.480</b>	<b>13.990.909</b>	<b>15.469.048.953</b>
1	Mua trong kỳ	0	1.099.621.346	5.587.449.454	2.119.634.158	13.990.909	8.820.695.867
2	Đầu tư XDCB hoàn thành	0	0	0	4.324.698.182	0	4.324.698.182
3	Tăng khác	0	1.339.826.764	0	983.828.140	0	2.323.654.904
<b>III</b>	<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>4.199.196.759</b>	<b>2.252.633.053</b>	<b>504.575.455</b>	<b>42.618.180</b>	<b>0</b>	<b>6.999.023.447</b>
1	Thanh lý, nhượng bán	0	2.252.633.053	504.575.455	42.618.180	0	2.799.826.688
2	Giảm khác	4.199.196.759	0	0	0	0	4.199.196.759
<b>IV</b>	<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>16.407.013.288</b>	<b>23.414.539.109</b>	<b>15.757.652.833</b>	<b>11.833.591.638</b>	<b>2.404.247.094</b>	<b>69.817.043.962</b>
<b>B</b>	<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>						
<b>I</b>	<b>Số dư đầu năm</b>	<b>4.779.424.603</b>	<b>14.398.444.850</b>	<b>2.945.828.186</b>	<b>1.835.123.104</b>	<b>22.851.496</b>	<b>23.981.672.239</b>
<b>II</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>1.600.900.424</b>	<b>2.327.421.430</b>	<b>3.004.356.314</b>	<b>1.323.820.900</b>	<b>72.131.815</b>	<b>8.328.630.883</b>
1	Khấu hao trong kỳ	1.600.900.424	2.327.421.430	3.004.356.314	1.323.820.900	72.131.815	8.328.630.883
<b>III</b>	<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>334.885.474</b>	<b>5.503.049.008</b>	<b>347.713.238</b>	<b>3.314.747</b>	<b>0</b>	<b>6.188.962.467</b>
1	Thanh lý, nhượng bán	93.445.279	2.138.704.877	347.713.238	3.314.747	0	2.583.178.141
2	Giảm khác	241.440.195	3.364.344.131	0	0	0	3.605.784.326
<b>IV</b>	<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>6.045.439.553</b>	<b>11.222.817.272</b>	<b>5.602.471.262</b>	<b>3.155.629.257</b>	<b>94.983.311</b>	<b>26.121.340.655</b>
<b>C</b>	<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI CỦA TSCĐ HỮU HÌNH</b>						
<b>I</b>	<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>15.826.785.444</b>	<b>8.829.279.202</b>	<b>7.728.950.648</b>	<b>2.612.926.234</b>	<b>2.367.404.689</b>	<b>37.365.346.217</b>
<b>II</b>	<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>10.361.573.735</b>	<b>12.191.721.837</b>	<b>10.155.181.571</b>	<b>8.677.962.381</b>	<b>2.309.263.783</b>	<b>43.695.703.307</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

### Phụ lục 02 : Tăng giảm TSCĐ thuê tài chính

TT	Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>A</b>	<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<b>I</b>	<b>Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính</b>	<b>4.887.410.389</b>	<b>2.525.399.156</b>	<b>1.064.436.364</b>	<b>8.477.245.909</b>
	Số dư đầu năm	4.887.410.389	2.525.399.156	1.064.436.364	8.477.245.909
<b>II</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3.943.332.926</b>	<b>3.943.332.926</b>
1	Thuê tài chính trong năm	0	0	3.943.332.926	3.943.332.926
<b>III</b>	<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV</b>	<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.887.410.389</b>	<b>2.525.399.156</b>	<b>5.007.769.290</b>	<b>12.420.578.835</b>
<b>B</b>	<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>				
<b>I</b>	<b>Số dư đầu năm</b>	<b>970.619.753</b>	<b>1.306.440.856</b>	<b>53.221.818</b>	<b>2.330.282.427</b>
<b>II</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>764.285.516</b>	<b>354.160.380</b>	<b>592.721.687</b>	<b>1.711.167.583</b>
1	Khấu hao trong kỳ	764.285.516	354.160.380	592.721.687	1.711.167.583
<b>III</b>	<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV</b>	<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.734.905.269</b>	<b>1.660.601.236</b>	<b>645.943.505</b>	<b>4.041.450.010</b>
	<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI CỦA TSCĐ THUÊ TC</b>				
<b>C</b>					
<b>I</b>	<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>3.916.790.636</b>	<b>1.218.958.300</b>	<b>1.011.214.546</b>	<b>6.146.963.482</b>
<b>II</b>	<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>3.152.505.120</b>	<b>864.797.920</b>	<b>4.361.825.785</b>	<b>8.379.128.825</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

### Phụ lục 03: Tăng giảm TSCĐ vô hình

TT	Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TS vô hình khác	Tổng cộng
<b>A</b>	<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<b>I</b>	<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>	<b>202.570.451</b>	<b>498.761.637</b>	<b>123.000.000</b>	<b>824.332.088</b>
	Số dư đầu năm	202.570.451	498.761.637	123.000.000	824.332.088
<b>II</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>0</b>	<b>655.686.400</b>	<b>0</b>	<b>655.686.400</b>
1	Mua trong kỳ	0	655.686.400	0	655.686.400
<b>III</b>	<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV</b>	<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>202.570.451</b>	<b>1.154.448.037</b>	<b>123.000.000</b>	<b>1.480.018.488</b>
<b>B</b>	<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỄN KẾ</b>				
<b>I</b>	<b>Số dư đầu năm</b>	<b>51.566.208</b>	<b>295.877.601</b>	<b>3.075.000</b>	<b>350.518.809</b>
<b>II</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>6.721.945</b>	<b>184.172.859</b>	<b>12.300.000</b>	<b>203.194.804</b>
1	Khấu hao trong kỳ	6.721.945	184.172.859	12.300.000	203.194.804
<b>III</b>	<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV</b>	<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>58.288.153</b>	<b>480.050.460</b>	<b>15.375.000</b>	<b>553.713.613</b>
<b>C</b>	<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI CỦA TSCĐ VÔ HÌNH</b>				
<b>I</b>	<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>151.004.243</b>	<b>202.884.036</b>	<b>119.925.000</b>	<b>473.813.279</b>
<b>II</b>	<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>144.282.298</b>	<b>674.397.577</b>	<b>107.625.000</b>	<b>926.304.875</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 33 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2011

### Phụ lục 04: Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2010</b>	<b>135.000.000.000</b>	<b>8.337.500.000</b>	<b>3.871.948.342</b>	<b>2.022.627.163</b>		<b>701.368.506</b>	<b>149.933.444.011</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>214.976.000.000</b>	<b>64.680.480.000</b>	<b>2.330.002.169</b>	<b>557.056.130</b>	<b>34.825.326</b>	<b>66.875.376.175</b>	<b>349.453.739.800</b>
Tăng vốn	214.976.000.000	64.680.480.000	2.330.002.169	557.056.130	34.825.326		282.578.363.625
Lãi						66.875.376.175	64.103.170.978
<b>Giảm trong năm</b>		<b>725.947.013</b>				<b>38.129.940.377</b>	<b>38.855.887.390</b>
Phân phối lợi nhuận						38.129.940.377	8.388.710.635
Giảm khác		725.947.013					725.947.013
<b>Số dư tại ngày 31/12/2010</b>	<b>349.976.000.000</b>	<b>72.292.032.987</b>	<b>6.201.950.511</b>	<b>2.579.683.293</b>	<b>34.825.326</b>	<b>29.446.804.304</b>	<b>460.531.296.421</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2011</b>	<b>349.976.000.000</b>	<b>72.292.032.987</b>	<b>6.201.950.511</b>	<b>2.579.683.293</b>	<b>34.825.326</b>	<b>29.446.804.304</b>	<b>460.531.296.421</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>12.980.747.413</b>	<b>4.030.328.105</b>	<b>0</b>	<b>87.196.893.105</b>	<b>104.207.968.623</b>
Tăng vốn			12.980.747.413	4.030.328.105			17.011.075.518
Lãi						87.196.893.105	87.196.893.105
<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>0</b>	<b>35.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>34.825.326</b>	<b>36.124.415.556</b>	<b>36.194.240.882</b>
Phân phối lợi nhuận						36.124.415.556	36.124.415.556
Giảm khác		35.000.000			34.825.326		69.825.326
<b>Số dư tại ngày 31/12/2011</b>	<b>349.976.000.000</b>	<b>72.257.032.987</b>	<b>19.182.697.924</b>	<b>6.610.011.398</b>	<b>0</b>	<b>80.519.281.853</b>	<b>528.545.024.162</b>